

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan
Nhà nước tỉnh Tiền Giang năm 2020**

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2019

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang phiên bản 1.0;

Căn cứ Công văn số 2055/BTTTT-THH ngày 27/6/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh năm 2020 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2019

1. Ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang: Gồm 01 cổng chính và 34 Trang Thông tin điện tử thành phần (23/23 sở, ban, ngành tỉnh và 11/11 UBND cấp huyện) và có các Cổng thành phần của cơ quan ngành dọc, đoàn thể và trường học tạo kênh giao tiếp giúp cho người dân và doanh nghiệp với chính quyền, thực hiện các nhu cầu về thủ tục hành chính được thuận lợi.

- Trên các Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đều có liên kết đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; Cổng dịch vụ công và Hệ

thống một cửa điện tử của tỉnh có chức năng thống kê kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cho phép người dân và doanh nghiệp tra cứu tình trạng và kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị cung cấp tương đối đầy đủ các thông tin TTHC của đơn vị mình đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin và giải quyết TTHC của tổ chức, người dân và doanh nghiệp. Việc cung cấp thông tin, các chuyên mục trên Trang Thông tin điện tử của các đơn vị cơ bản đáp ứng theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Hiện nay, tỉnh Tiền Giang có 2155 TTHC và được đăng tải trên Trang dịch vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang tại địa chỉ: <http://dichvucong.tiengiang.gov.vn/>, cụ thể:

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: 248 dịch vụ (tỷ lệ 11,5%).

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 1007 dịch vụ (tỷ lệ 46,7%); tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ: 788/1007 dịch vụ (đạt tỷ lệ 73%).

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 900 dịch vụ (tỷ lệ 41,8%%) ; tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ: 879/900 dịch vụ, đạt tỷ lệ 97,6%.

- Các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp đầy đủ, công khai quy trình, thủ tục, hồ sơ. Tuy nhiên, các thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi, nên việc rà soát, cập nhật trên Trang dịch vụ hành chính công của tỉnh đôi lúc chưa kịp thời.

3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính

- Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh triển khai theo mô hình quản lý tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (THDL) và được triển khai trên quy mô toàn tỉnh, đảm bảo khả năng liên thông giữa các cơ quan, đơn vị.

- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn, trễ hạn trên phần mềm một cửa điện tử từ ngày 01/01/2019 đến nay, tổng số hồ sơ số hóa vào phần mềm một cửa điện tử (bao gồm mức 2, mức 3, mức 4): 595.009 hồ sơ; đã giải quyết 574.699 hồ sơ, còn 20.310 hồ sơ đang giải quyết.

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn: 77,4% (444.974/574.699 hồ sơ).

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: 17,2% (99.220/574.699 hồ sơ).

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn: 5,3% (30.505/574.699 hồ sơ).

- Trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu kết quả bằng mã biên nhận hồ sơ, qua tin nhắn trên điện thoại di động hoặc tra cứu bằng mã vạch.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ

a) Ứng dụng, tác nghiệp dùng chung phục vụ quản lý và điều hành

- Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) được triển khai tập trung, đồng bộ trong toàn bộ cơ quan Nhà nước (CQNN) từ cấp tỉnh (23 sở, ban, ngành tỉnh, 25 cơ quan ngành dọc, cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh) liên thông đến cấp huyện (11 Ủy ban nhân dân cấp huyện) và cấp xã (173 Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn) theo mô hình quản lý tập trung tại Trung tâm THDL.

- Hệ thống đã kết nối liên thông 4 cấp với Văn phòng Chính phủ, đáp ứng việc trao đổi văn bản điện tử giữa tỉnh với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tham gia trên trục liên thông của Chính phủ.

- Mức độ sử dụng văn bản điện tử như sau:

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) so với tổng số văn bản đi/đến giữa các cơ quan trong nội bộ Ủy ban nhân dân tỉnh đạt 90%.

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các cơ quan bên ngoài đạt 45%.

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường bưu chính so với tổng số văn bản đi/đến giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ Ủy ban nhân dân tỉnh đạt 48%.

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường bưu chính so với tổng số văn bản đi/đến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các cơ quan bên ngoài đạt 50%.

- Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.tiengiang.gov.vn) đã cấp phát 10.383 tài khoản thư điện tử công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) các cấp trong tỉnh (đạt tỷ lệ 100%) và tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử được cấp đạt tỷ lệ 95%.

- Ứng dụng chữ ký số: 100% các cơ quan sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được cấp thiết bị ký số; tất cả các cơ quan được cấp thiết bị ký số đã ứng dụng thiết bị để ký số và gửi liên thông văn bản điện tử. Tổng số chữ ký số của tỉnh: 529 chữ ký số tổ chức, 812 chữ ký số cá nhân, 11 chữ ký số cá nhân là lãnh đạo tỉnh mà có tích hợp lên SIM.

b) Ứng dụng tác nghiệp chuyên ngành khác

- Ngành Y tế:

+ Phần mềm Quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế đã triển khai 100% các đơn vị có tổ chức khám chữa bệnh từ Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, bệnh viện chuyên khoa, phòng khám khu vực và trạm y tế xã, phường, thị trấn;

+ 100% các cơ sở khám chữa bệnh sử dụng phần mềm quản lý bệnh truyền nhiễm và liên thông dữ liệu toàn quốc;

+ 100% Trung tâm y tế, trạm y tế xã, phường, thị trấn và sử dụng phần mềm quản lý tiêm chủng, dữ liệu được liên thông toàn quốc;

+ Hệ thống Cổng thông tin ngành y tế (<http://soytetiengiang.gov.vn/>) và các Trang thông tin điện tử thành phần của các đơn vị cung cấp các thông tin chuyên ngành lĩnh vực y tế.

- Ngành Tài nguyên và Môi trường: Hệ thống thông tin đất đai Vilis; Hệ thống thu thập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý và cung cấp thông tin về dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: Hệ thống Cổng thông tin điện tử (tiengiang.edu.vn) cung cấp các thông tin về trường học, dạy và học cho giáo viên, học sinh. Đến nay, đạt 100% các đơn vị trường học của tỉnh có hộp thư điện tử riêng với tên miền moet.edu.vn; 100% cán bộ, giáo viên khối trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã được cấp hộp thư điện tử với tên miền @tiengiang.edu.vn. Triển khai các phần mềm quản lý thống nhất trong toàn ngành như vnEdu, EMIS, PEMIS, VEMIS. Đạt 100% các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở đã triển khai sử dụng phần mềm quản lý điểm học sinh, quản lý tài chính, quản lý thi.

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hệ thống phần mềm Quản lý dạy nghề nông thôn nhằm quản lý các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh gồm các chức năng như: Truy xuất thông tin, báo cáo, thống kê... Phần mềm quản lý tàu cá cũng đã được triển khai.

- Ngành Tài chính: Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp (IMAS) đã triển khai đến 23/23 sở, ban, ngành tỉnh; 11/11 Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ngoài ra còn triển khai các phần mềm khác như: Quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), Quản lý tài sản công (trên 500 triệu đồng), Quản lý giá cả hàng hóa và dịch vụ, Phần mềm cấp mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách, Phần mềm báo cáo thống kê Sở Tài chính; Tổng hợp thông tin tính chỉ số ICT Index.

- Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội: Hiện tại tỉnh đang sử dụng các phần mềm do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội triển khai phục vụ công tác quản lý ngành: Phần mềm quản lý hộ nghèo và cận nghèo, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, chi trả trợ cấp ưu đãi người có công, quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

- Tiếp tục cung cấp và cập nhật thông tin khi có thay đổi dữ liệu thuộc phạm vi của tỉnh cho các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia, cụ thể như: Cơ sở dữ liệu (CSDL) về TTHC, CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và

các CSDL theo Danh mục CSDL quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tại các sở, ngành tiếp tục cập nhật và khai thác sử dụng các CSDL chuyên ngành: CSDL cán bộ công chức, CSDL lưu trữ lịch sử tỉnh (Sở Nội vụ), CSDL hộ nghèo, CSDL người có công, CSDL nghĩa trang và liệt sĩ, CSDL người có công (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội), CSDL nhân khẩu ngành Công an (Công an tỉnh), CSDL kinh tế xã hội, CSDL đầu tư công (Sở Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng), CSDL Y bạ, CSDL khám chữa bệnh, tiêm chủng mở rộng, bệnh truyền nhiễm (Sở Y tế), CSDL chuyên ngành tài nguyên và môi trường, CSDL đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường).

6. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Tỷ lệ máy tính/CBCC:

+ Cấp tỉnh và cấp huyện: Đạt 01 máy/CBCC.

+ Cấp xã: Đạt 0,95 máy/CBCC.

- Tỷ lệ máy tính có cài đặt phần mềm diệt virus (bao gồm phần mềm miễn phí và bản quyền):

+ Cấp tỉnh: 88,66%.

+ Cấp huyện và cấp xã: 91,72%

- Hạ tầng mạng LAN, WAN: 100% cơ quan hành chính nhà nước có mạng nội bộ (LAN), kết nối mạng diện rộng của tỉnh (WAN), kết nối Internet băng rộng. Tỷ lệ máy tính được kết nối Internet đạt 100%.

- Trung tâm THDL tỉnh được đầu tư nâng cấp và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như: Hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống phần mềm một cửa điện tử...

- Nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật CNTT của tỉnh hiện nay tương đối đáp ứng được triển khai các ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh nói chung, phục vụ CCHC nói riêng.

7. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin

- Tỉnh hiện có 132 cán bộ được phân công phụ trách CNTT trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước (trình độ thạc sĩ: 08, đại học 85, cao đẳng 14, trung cấp 20, khác 05), cụ thể:

+ Cấp tỉnh: 102 cán bộ, đạt tỷ lệ 100% cơ quan cấp tỉnh có cán bộ phụ trách CNTT.

+ Cấp huyện: 30 cán bộ, đạt tỷ lệ 100% cơ quan cấp huyện có cán bộ phụ trách CNTT.

- Hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cơ bản đến nâng cao về CNTT phục vụ công tác đảm bảo an toàn thông tin, quản trị, vận hành các hệ thống, các phần mềm ứng dụng được triển khai tại cơ quan, đơn vị.

8. Môi trường pháp lý

Trong năm 2019, tỉnh Tiền Giang đã xây dựng và ban hành các văn bản liên quan đến việc thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh cụ thể:

- Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo Xây dựng chính quyền số tỉnh Tiền Giang.

- Kế hoạch 219/KH-UBND ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc xây dựng thí điểm Chính quyền số tỉnh Tiền Giang.

9. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch năm 2019, Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020

a) Kế hoạch năm 2019:

Cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019, cụ thể:

* Về mục tiêu:

- Đạt tỷ lệ 100% cơ quan Nhà nước từ cấp huyện đến xã triển khai hệ thống một cửa điện tử.

- Đạt tỷ lệ 62,5% DVC TT mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ.

- Đạt tỷ lệ 30% hồ sơ THHC được xử lý trực tuyến ở mức độ 4.

- Đạt tỷ lệ 90% hồ sơ khai thuế, nộp thuế của doanh nghiệp nộp qua mạng ở mức độ 4.

- Thực hiện triển khai, đồng bộ dữ liệu một cửa giữa các ngành có liên quan trong cùng 1 thủ tục hành chính công.

* Về ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ CQNN:

- Đạt tỷ lệ 80% văn bản không mật trình, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- Đạt tỷ lệ 90% trở lên văn bản trao đổi giữa các CQNN dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- Về xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia: Nâng cấp hạ tầng Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh phục vụ triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh.

* Về nhiệm vụ, dự án CNTT: Đã thực hiện đạt 16/16 dự án (đạt tỷ lệ

100%) so với nhiệm vụ theo kế hoạch, cụ thể:

- Các dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng: Nâng cấp hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống bảo mật và backup dữ liệu; Nâng cấp hạ tầng CNTT tại tòa soạn Báo Ấp Bắc; Phần mềm quản lý đầu tư công; Dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2015 - 2020; Thuê hạ tầng lưu trữ phục vụ Cổng TTĐT tỉnh; Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng tỉnh.

- Đã tổ chức các lớp đào tạo thuộc nhóm dự án đào tạo: Tổ chức 09 lớp tập huấn về sử dụng ứng dụng CNTT đã triển khai trong CQNN; 02 lớp về bảo mật, an toàn thông tin cho các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác điều hành và quản lý Nhà nước và công tác an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Các dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện: Nâng cấp, mở rộng mạng LAN-WAN; Tin học hóa công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh; Đầu tư nâng cấp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin ngành nông nghiệp; Xây dựng cổng thông tin hộ kinh doanh và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 2); Xây dựng hệ thống thông tin dùng chung các ngành.

b) Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020:

* Về mục tiêu thực hiện nhiệm vụ:

- Trong thời gian qua, chính quyền các cấp, các ngành trong tỉnh đã quan tâm và có nhiều cố gắng trong việc triển khai ứng dụng CNTT vào hoạt động của đơn vị, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong ứng dụng CNTT, góp phần nâng cao chỉ số xếp hạng công nghệ thông tin của tỉnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các CQNN từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

- Các dự án đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, góp phần cải cách thủ tục hành chính, trao đổi văn bản dưới dạng điện tử, giảm thiểu giấy tờ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cung cấp thông tin công khai, minh bạch, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trong thời gian qua, cụ thể:

* Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giữa kỳ giai đoạn 2016 - 2020:

- Năm 2018 đã triển khai thực hiện xong 04 dự án: Nâng cấp hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống bảo mật và backup dữ liệu; Nâng cấp hạ tầng CNTT tại tòa soạn Báo Ấp Bắc; Phần mềm quản lý đầu tư công; Dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2015 - 2020.

- Năm 2019 đang tiếp tục triển khai thực hiện 02 dự án: Nâng cấp, mở rộng mạng LAN-WAN, Tin học hóa công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Đang thực hiện các thủ tục thẩm định và triển khai thực hiện 04 dự án ứng dụng CNTT: Đầu tư nâng cấp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin ngành nông nghiệp; Xây dựng Cổng Thông tin hộ kinh doanh và hợp tác xã

trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 2); Xây dựng hệ thống thông tin dùng chung các ngành.

10. Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử

- Thực hiện Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang phiên bản 1.0, đến nay tỉnh đã thực hiện từng bước xây dựng chính quyền điện tử tỉnh.

- Về triển khai các ứng dụng CNTT: Trang thiết bị đầu tư hạ tầng đã đáp ứng việc triển khai các hệ thống dùng chung của tỉnh (phần mềm quản lý văn bản và điều hành; một cửa điện tử tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh...) và các hệ thống chuyên ngành khác, nhằm từng bước xây dựng nền chính quyền điện tử của tỉnh trong thời gian tới.

- Thực hiện Công văn số 1857/UBND-KTTC ngày 08/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chấp thuận chủ trương lập Đề án xây dựng Chính quyền số tỉnh Tiền Giang. Tỉnh đang phối hợp với Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và Hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư Công nghệ thông tin - Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành khảo sát xây dựng Đề án Chính quyền số. Dự kiến tổ chức họp thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong quý I năm 2020.

- Tỉnh đang phối hợp các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm xây dựng Chính quyền số tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 13/8/2019.

II. VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

- Việc kết nối liên thông giữa Hệ thống QLVB&ĐH của tỉnh Tiền Giang với các hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của các Bộ, ngành, địa phương thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia: Trong quá trình thực hiện gửi, nhận văn bản liên thông qua trục liên thông quốc gia đôi khi còn xảy ra lỗi (không mở được file văn bản đính kèm, thông tin các văn bản điện tử không đầy đủ như: Số ký hiệu, ngày, tháng, năm).

- Việc đồng bộ thủ tục từ cơ sở dữ liệu quốc gia về cập nhật lên hệ thống một cửa điện tử tỉnh, một số đơn vị cập nhật về chưa xóa bỏ những thủ tục cũ nên làm tăng thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

- Việc triển khai xây dựng Chính quyền số, chuyển đổi số đây là nội dung mới về khoa học công nghệ và công tác quản lý, đòi hỏi có sự nghiên cứu, thí điểm và sự phối hợp tham gia triển khai của tất cả các cơ quan, đơn vị, người dân và doanh nghiệp để từng bước xây dựng, đánh giá, rút kinh nghiệm.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH TIỀN GIANG

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp chặt chẽ với CCHC nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của CQNN trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, công dân và ứng dụng CNTT thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin CSDL tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng giữa các CQNN trên cơ sở Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Triển khai xây dựng một số thành phần cơ bản của Đề án xây dựng Thành phố thông minh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác điều hành của cơ quan quản lý nhà nước, từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng DVC TT, góp phần nâng cao khả năng tương tác hai chiều giữa người dân và doanh nghiệp với chính quyền từ đó đem lại hiệu quả giao dịch hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động điều hành gắn với CCHC phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ 100% các văn bản, tài liệu không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy); 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

+ 100% cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước được cấp và sử dụng hộp thư điện tử trong công việc.

+ 100% hồ sơ khai thuế, nộp thuế của doanh nghiệp nộp qua mạng ở mức độ 4.

+ 90% hồ sơ được cập nhật và xử lý trên phần mềm một cửa điện tử.

+ 85% văn bản (không mật) trao đổi với các CQNN ngoài tỉnh (bộ, ngành tỉnh/thành phố ngoài tỉnh) dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy);

- Xây dựng hệ thống tích hợp dùng chung Khung kiến trúc Chính quyền điện tử.

- Triển khai xây dựng các dự án thuộc Đề án Xây dựng Mỹ Tho thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

II. NỘI DUNG

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Bảo đảm các ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN tỉnh Tiền Giang triển khai thống nhất, đồng bộ, liên thông theo Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và hệ thống CSDL quốc gia.

- Triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc đầu tư ứng dụng CNTT tuân thủ theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh; trong đó, ưu tiên triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL trong CQNN tỉnh và bên ngoài.

- Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định, khai thác hiệu quả các phần mềm nền tảng của Chính quyền điện tử như: Cổng Thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống một cửa điện tử; hệ thống phần mềm QLVB&ĐH; phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức.

- Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung theo hướng kết nối liên thông và chia sẻ CSDL với các hệ thống thông tin chuyên ngành (hệ thống tích hợp chia sẻ dữ liệu).

- Nâng cấp hệ thống phần mềm QLVB&ĐH, xây dựng hệ thống tích hợp dùng chung cho các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là ngành Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh.

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong hệ thống cơ quan Nhà nước; gắn kết ứng dụng CNTT với CCHC, ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống chất lượng ISO.

- Tăng cường ứng dụng chữ ký số trong CQNN nhằm đáp ứng nhu cầu gửi nhận văn bản điện tử và tích hợp vào các hệ thống thông tin giao dịch giữa các CQNN với nhau, với doanh nghiệp và người dân được xác thực, nhanh chóng và an toàn.

- Triển khai các dự án Xây dựng chính quyền số theo kế hoạch thí điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục duy trì hoạt động, khai thác có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử và DVCTT, liên thông tích hợp với các phần mềm chuyên ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện Cổng Thông tin điện tử tỉnh với các chức năng hỗ trợ người khuyết tật, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tập trung triển khai dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4 nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai mở rộng việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai sử dụng hệ thống Du lịch thông minh, Wifi thông minh.

- Triển khai thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn cho tổ chức doanh nghiệp và công dân sử dụng DVCTT của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai ứng dụng Zalo và các ứng dụng trên di động trong cải cách hành chính công.

3. Xây dựng hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành; HTTT, CSDL quốc gia tạo nền tảng phát triển CPĐT

- Triển khai xây dựng mới CSDL ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

- Xây dựng các hệ thống CSDL dùng chung, ưu tiên các CSDL nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cập nhật các HTTT, CSDL quốc gia do các Bộ, ngành Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực quản lý CNTT cho cán bộ lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố; gương mẫu tiên phong trong việc ứng dụng CNTT trong công việc.

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng CNTT hàng năm cho CBCC các cấp. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao cho cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị.

- Tổ chức đánh giá thực trạng đội ngũ lãnh đạo, CBCC cơ quan nhà nước trong việc sử dụng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin máy tính, các ứng dụng dùng chung và mạng Internet.

- Tổ chức diễn tập đảm bảo an toàn thông tin mạng cho thành viên Đội ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Vận hành ổn định và khai thác sử dụng hiệu quả Trung tâm THDL tỉnh và nâng cao chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan Nhà nước

nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng, đảm bảo an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT của các CQNN và phục vụ tổ chức, doanh nghiệp và công dân.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung quy mô cấp tỉnh Local Government Service Platform (LGSP) để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin, CSDL trong nội bộ tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bên ngoài.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngành Y tế.

- Thiết kế CSDL tập trung, xây dựng các CSDL dùng chung và các dịch vụ nền tảng dùng chung toàn tỉnh nhằm tạo ra nền tảng công nghệ mạnh, đồng bộ và thống nhất theo kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh và nền tảng cho phát triển đô thị thông minh.

- Tiếp tục thực hiện triển khai nâng cấp, mở rộng mạng LAN-WAN các cơ quan Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh, nâng cấp hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống bảo mật và Backup dữ liệu tại Sở Tài nguyên và Môi trường...

6. Đảm bảo an toàn thông tin

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá, thẩm định, tổ chức thực hiện các Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo cấp độ theo Quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 21/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

- Triển khai thí điểm hệ thống phòng, chống mã độc tập trung cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin tại các cơ quan trong tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc để lộ, lọt thông tin, chống xâm nhập, khai thác thông tin mật ở các cơ quan, đơn vị.

- Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

- Phổ biến và triển khai kịp thời các hướng dẫn thực thi công tác an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan Trung ương. Tổ chức quán triệt việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ CBCCVC.

7. Xây dựng thành phố thông minh

Triển khai một số dự án thuộc Đề án Xây dựng Mỹ Tho thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020: Du lịch thông minh, Wifi thông minh, Camera thông minh:

- Hệ thống du lịch thông minh: Xây dựng hệ thống Cổng thông tin du lịch, bản đồ du lịch, quảng bá các địa điểm tham quan du lịch, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ liên quan đến du lịch và tiện ích hỗ trợ khách du lịch về hướng dẫn đường đi, xem địa điểm trên bản đồ.

- Hệ thống wifi thông minh: Lắp đặt hệ thống wifi tại các khu vực công cộng cần thiết: điểm du lịch, công viên, khu vực hành chính công, bệnh viện, trường đại học, cao đẳng.

- Hệ thống Camera thông minh: Xem xét các điểm lắp Camera giao thông, Camera an ninh; xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu, hệ thống cảnh báo phục vụ công tác tra cứu thông tin và giám sát vi phạm, giám sát an ninh.

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý của địa phương về CNTT, đặc biệt là xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi triển khai Chính quyền điện tử tại địa phương.

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định về sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, quy định về an toàn an ninh thông tin; Các cơ chế chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp trên môi trường mạng.

- Tạo điều kiện thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các CQNN, trong đó đặc biệt là hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ.

- Tạo các cơ chế để thu hút, đầu tư và phát triển thị trường CNTT; Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ phát triển thị trường CNTT, đặc biệt chú ý đến việc khuyến khích sử dụng các sản phẩm dịch vụ CNTT.

2. Giải pháp tài chính

- Để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng cho việc ứng dụng và phát triển CNTT cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như: Các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học... để thực hiện các dự án ứng dụng CNTT cho từng ngành quản lý.

- Đẩy mạnh việc triển khai thuê dịch vụ CNTT; trong đó, ưu tiên triển khai các nội dung thuê dịch vụ đảm bảo hạ tầng kỹ thuật CNTT.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, nguồn kinh phí đảm bảo cho việc ứng dụng và phát triển các ứng dụng CNTT tại đơn vị phù hợp với yêu cầu triển khai nhiệm vụ hàng năm.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

- Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với CCHC, trong đó tập trung đẩy mạnh hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến nền hành chính công khai, minh bạch, tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; Rà soát, bổ sung nội dung ứng dụng CNTT vào tiêu chí chấm điểm CCHC của tỉnh đảm bảo phù hợp theo lộ trình và định hướng của Chính phủ.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ứng dụng CNTT phục vụ hiện đại hóa hành chính, thúc đẩy gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT với công tác CCHC của các CQNN.

4. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Giải pháp tổ chức

- Lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quan tâm chỉ đạo công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN, chịu trách nhiệm về công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan thuộc ngành, địa phương quản lý; gương mẫu, tiên phong trong việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về CNTT ở các cấp; đặc biệt chú trọng công tác xây dựng và kiện toàn bộ máy chuyên trách CNTT các cấp.

b) Giải pháp triển khai

- Triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT đảm bảo phù hợp với kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng chuyên đề thi đua ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, doanh nghiệp và công dân về lợi ích, hiệu quả của việc ứng dụng CNTT, đặc biệt là việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động các CQNN trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện cải cách hành chính gắn kết với ứng dụng CNTT; đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của CQNN của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục bổ sung hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về CNTT, đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là tại cấp huyện, cấp xã.

3. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, rà soát các thủ tục hành chính công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố các quy trình giải quyết thủ tục hành chính có tính chất liên thông giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách bố trí kinh phí (phần vốn sự nghiệp) thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN tỉnh Tiền Giang năm 2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm để thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN tỉnh Tiền Giang năm 2020.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai ứng dụng ISO điện tử trong việc thực hiện các TTHC.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT và truyền thông; chuyển giao các phần mềm cần thiết phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực đã được ứng dụng hiệu quả tại các địa phương khác.

7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy, thành phố Mỹ Tho

Căn cứ kế hoạch này, ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2020 tại đơn vị bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, địa phương nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả; báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 15/10/2020, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về phương pháp, tiêu chuẩn kết nối để tích hợp, liên thông phần mềm dùng chung của địa phương với các phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành, Trung ương.

- Bộ Thông tin và Truyền thông sớm có hướng dẫn cụ thể về mô hình triển khai Chính quyền số, lộ trình chuyển đổi số chung cho cả nước, cụ thể từng khu vực, tỉnh/thành.

- Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn về định mức, đơn giá thuê dịch vụ CNTT trong các CQNN.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch này, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Dũng